

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2018
Vv ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;
2. Bà Trần Thị Minh Thâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 377/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ 2, khu vực 6, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn Vân Hội 2, thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2017, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Anh T tìm hiểu được 02 năm rồi tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 5 năm 2011 tại UBND thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh T lười lao động, thường xuyên uống rượu về chửi mắng chị. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi

nên từ năm 2014 chị đã chuyển về nhà cha mẹ chị sinh sống cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có 01 con chung là cháu Trần Phát H, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2012. Hiện nay cháu H đang sống với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 12 năm 2017, anh Trần Anh T trình bày: Anh thống nhất về quá trình đi đến hôn nhân và con chung như chị H trình bày. Thời gian sống chung vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh đồng ý ly hôn. Anh đồng ý giao cháu Trần Phát H cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng đã vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà không có lý do nên đã không chấp hành các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị H xin ly hôn và anh T đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H và giao cháu Trần Phát H cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời buộc anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Trần Anh T cư trú tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết lợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trần Anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 5 năm 2011 tại UBND thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của chị H và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân có thể thấy tuy vẫn là vợ chồng nhưng anh chị đã không sống chung với nhau từ lâu. Tuy trong lời khai anh T không trình bày nguyên nhân mâu thuẫn nhưng không có nguyện vọng đoàn tụ mà đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy giữa vợ chồng anh chị đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đời sống chung giữa chị H và anh T không thể kéo dài. Xét thấy nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho chị H và anh T nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là Trần Phát H, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2012. Trong thời gian sống ly thân, chị H vẫn đảm bảo chăm sóc, giáo dục để cháu H được phát triển bình thường và anh T đồng ý giao con cho chị H chăm sóc. Do đó, áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu H cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng tuy nhiên chị không chứng minh được anh T có nghề nghiệp ổn định nên áp dụng các Điều 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình, buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng, mỗi tháng 700.000 đồng.

[5] Về tài sản chung: Chị H không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Anh T.

2. Giao con chung là cháu Trần Phát H, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện cháu H đang sống với chị H.

Buộc anh Trần Anh T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Phát H hàng tháng, mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) kể từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007044 ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Anh Trần Anh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- CC THADS H. Tuy Phước;
- UBND TT. Diêu Trì, H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiệp